

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Trần Sóng Thành**
2. Ông Nguyễn Thành Lam

- Thư ký phiên tòa: **Ông Hà Văn Tuấn** là Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: **Ông Vũ Văn Hội** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 187/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

+/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1983

HKTT: Đội 8 ấp D, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên lạc: số 4022 đò 2, ấp B, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

+/ Bị đơn: Anh Vũ Ngọc C, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Đội 8 ấp D, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+/ Người làm chứng: Bà Vũ Thị Hạnh V, sinh năm: 1971

Địa chỉ: 215/5 ấp D, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

(Chị H, anh C và bà V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2021, các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Vũ Ngọc C quen biết, tìm hiểu được thời gian thì hai bên tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/12/2002. Đây là hôn nhân lần đầu của chị H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, giữa hai bên nhiều lần xảy ra cãi nhau và anh C đã có lần đánh chị H nhưng không để lại thương tích gì. Vì thương con nên chị H đã chịu đựng và nhiều lần khuyên giải nhưng anh C vẫn tính nết nào tặc nấy. Do không chịu được tính tình của anh C nên khoảng 05 tháng nay chị H đã chuyển về nhà cha mẹ ruột tại địa chỉ: 4022 đò 2 ấp B, xã P, huyện Định Quán để sinh sống. Từ đó, giữa chị H và anh C không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ chung của

vợ chồng, mạnh ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị H yêu cầu được ly hôn với anh C.

- *Về con chung*: Theo chị H trình bày, vợ chồng chung sống có 02 con chung là Vũ Hoàng Ch, sinh ngày 22/02/2004 và Vũ Thị Kiều Tr, sinh ngày 12/01/2006. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H không còn yêu cầu gì khác, ngày 11/4/2022 chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2022, các lời khai tiếp theo bị đơn anh Vũ Ngọc C trình bày:**

Anh Vũ Ngọc C thừa nhận về quan hệ hôn nhân giữa anh với chị Nguyễn Thị Ngọc H như chị H trình bày là đúng và đây là lần đăng ký kết hôn đầu tiên của anh C. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với mẹ anh C tại địa chỉ 213/5, ấp D, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không tin tưởng nhau trong cuộc sống gia đình, chị H nghi ngờ anh C không chung thủy có quan hệ với người phụ nữ khác, mặc dù anh C đã giải thích nhiều lần nhưng chị H vẫn không tin nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự lẫn nhau, anh C thừa nhận trong lúc cãi nhau do nóng giận nên anh có dùng tay đánh chị H. Khoảng 05 tháng nay chị H đã chuyển về nhà cha mẹ ruột của mình để sinh sống, anh C đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Nay chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, mặc dù vẫn còn thương vợ con nhưng giữa anh C và chị H không còn biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H cương quyết ly hôn nên anh C đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do anh C theo đạo Công giáo nên không thể ký các thủ tục ly hôn.

- *Về con chung*: Theo anh C vợ chồng chung sống có hai con chung là cháu Vũ Hoàng Ch, sinh ngày 22/02/2004 và cháu Vũ Thị Kiều Tr, sinh ngày 12/01/2006. Nếu trường hợp chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh C đồng ý giao các con chung cho chị H nuôi dưỡng. Anh C không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh C không còn yêu cầu gì khác, ngày 31/3/2022 anh C có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2022 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H và bị đơn anh Vũ Ngọc C. Ngày 31/3/2022 bị đơn anh C có đơn xin xét xử vắng mặt và ngày 11/4/2022 nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 43, 42). Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vũ Ngọc C và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Vũ Ngọc C hiện đang cư trú tại đội 8 ấp D, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Nguyễn Thị Ngọc H là nguyên đơn, anh Vũ Ngọc C là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 10, 11 và 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Anh Vũ Ngọc C và chị Nguyễn Thị Ngọc H khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/12/2002 (BL 09) theo quy định tại Điều 9, 10, 11 và 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân gia đình, anh C và chị H cùng thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 01, 26, 27, 28) điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ở biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với người làm chứng và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương (BL 34a, 34b).

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6.2] Xét ý kiến, yêu cầu của anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H là phù hợp với nhận định trên và Luật hôn nhân gia đình nên cần ghi nhận.

[7] Về con chung: Anh C và chị H có hai con chung là Vũ Hoàng Ch, sinh ngày 22/02/2004 và Vũ Thị Kiều Tr, sinh ngày 12/01/2006. Xét yêu cầu của chị H được nuôi dưỡng hai con chung là có căn cứ, bởi lẽ, yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung của chị H được anh C đồng ý (BL 27). Ngoài ra, cháu Tr và cháu Ch có nguyện vọng được sống với chị H trong trường hợp cha mẹ không còn sống chung với nhau (BL 33, 34). Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung là cháu Vũ Hoàng Ch, sinh ngày 22/02/2004 và Vũ Thị Kiều Tr, sinh ngày 12/01/2006 của chị H.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[9] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[13] Ý kiến của Kiểm sát viên:

[13.1] Về tố tụng: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

[13.2] Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H và anh C ly hôn. Giao 02 con chung là cháu Vũ Hoàng Ch và Vũ Thị Kiều Tr cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh C do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; 131; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, 10, 11 và 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

[2.] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với anh Vũ Ngọc C. Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Vũ Ngọc C ly hôn

[2.2] Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là Vũ Hoàng Ch, sinh ngày: 22/02/2004 và Vũ Thị Kiều Tr, sinh ngày 12/01/2006.

[2.2.1] Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vũ Ngọc C do chị H không yêu cầu.

[2.2.2] Khi ly hôn, chị H và anh C vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con ...).

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0003485 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[5] Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND h. Thống Nhất;
- CC THADS h. Thống Nhất;
- UBND xã G, h. Thống Nhất
(Giấy CNKH số 83, quyển số 01);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh Cường